

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐÀ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN ĐÔNG ĐÀ**

MÃ SKKN

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

Đề tài:

**XÂY DỰNG VÀ BỒI DƯỠNG ĐỘI TUYỂN
HỌC SINH GIỎI MÔN ĐỊA LÝ LỚP 9**

Lĩnh vực Địa lý

Hà Nội 2014 - 2015

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN ĐÔNG ĐÀ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THÁI THỊNH



MÃ SKKN

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

Đề tài:

**XÂY DỰNG VÀ BỒI DƯỠNG ĐỘI TUYỂN
HỌC SINH GIỎI MÔN ĐỊA LÝ LỚP 9**

Lĩnh vực: Địa lý

Người thực hiện: Nguyễn Phương Dung

Tổ: Hóa - Sinh - Địa

Trường: THCS Thái Thịnh

Hà Nội 2014 - 2015

MỤC LỤC

	Trang
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	2
I/ Cơ sở lí luận và thực tiễn	2
II/ Đặc điểm chương trình và nhận thức của học sinh	2
III/ Mục đích của sáng kiến kinh nghiệm	3
B. NỘI DUNG: Xây dựng và bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi môn Địa lí lớp 9	4
I/ Xây dựng đội tuyển học sinh giỏi môn Địa lí	4
II/ Thành lập đội tuyển, xây dựng kế hoạch và chương trình bồi dưỡng	6
III/ Bồi dưỡng kiến thức và kĩ năng cho đội tuyển học sinh giỏi môn Địa lí lớp 9	8
C. KẾT LUẬN	19
I/ Kết quả	19
II/ Bài học kinh nghiệm	19
III/ Một số kiến nghị	20
TÀI LIỆU THAM KHẢO	22

‘;A . ĐẶT VẤN ĐỀ

I - Cơ sở lí luận và thực tiễn

Nghề dạy học là một nghề cao quý. Người giáo viên khi đã chọn nghề giáo là đã thể hiện lòng yêu nghề. Nghề dạy học được xã hội coi trọng, tôn vinh, được nhiều người trân trọng gọi là “Kỹ sư tâm hồn”. Niềm sung sướng, hạnh phúc nhất trong cuộc đời người giáo viên là đào tạo và bồi dưỡng được nhiều học sinh giỏi, những chủ nhân tương lai của đất nước. Để có được học sinh giỏi ngoài năng lực, tố chất, sự cần cù chăm chỉ của học sinh thì công lao xây dựng, giáo dục, bồi dưỡng của người thầy là điều không thể phủ nhận được.

Ngày nay, trong các trường trung học cơ sở, các môn học đều được coi trọng, đánh giá như nhau. Các em học sinh giỏi các môn đạt giải cấp Thành phố bên cạnh niềm vinh dự, tự hào đã mang lại thành tích cho nhà trường bản thân các em còn được cộng điểm khi dự thi vào các trường trung học phổ thông.

Mỗi môn học trong nhà trường đều có những phương pháp đặc thù riêng, môn Địa lí cũng vậy. Phương pháp dạy và học môn Địa lí ngày nay đã có nhiều đổi mới.. Quá trình dạy học hiện nay là quá trình tổ chức của người thầy giúp học sinh chủ động lĩnh hội, tiếp thu kiến thức với sự hỗ trợ của các đồ dùng và phương tiện dạy học. Người thầy giữ vai trò chủ đạo, tổ chức, hướng dẫn học sinh học tập. Học sinh chủ động tìm tòi, khám phá kiến thức mới, ôn lại kiến thức cũ, rèn kỹ năng thực hành. Để có những tiết dạy trên lớp, đáp ứng cho nhu cầu của 40 học trò với trình độ khác nhau của từng khối lớp người giáo viên cần phải chuẩn bị kỹ cả về nội dung kiến thức và phương pháp dạy học mới có thể dạy tốt và đạt hiệu quả cao. Nhưng để có một đội tuyển học sinh giỏi yêu thích môn Địa lí, nắm vững những kiến thức và kỹ năng trong học tập môn Địa lí, sẵn sàng thi học sinh giỏi các cấp và đạt kết quả cao thì yêu cầu đối với người giáo viên còn cao hơn rất nhiều.

II - Đặc điểm chương trình và nhận thức của học sinh

Chương trình Địa lí trung học cơ sở cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản, cần thiết về Trái đất, các quy luật địa đới, phi địa đới trên Trái đất, về môi trường sống của con người. Biết được các đặc điểm tự nhiên, dân cư và các hoạt động kinh tế của con người ở các khu vực khác nhau trên Trái đất. Thấy được sự đa dạng của tự nhiên, mối tương tác giữa các thành phần của môi trường tự nhiên, giữa môi trường với con người; Qua đó thấy được sự cần thiết phải kết hợp khai thác tài nguyên thiên nhiên và phát triển môi trường bền vững. Đặc biệt phải hiểu biết tương đối vững chắc các đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, dân cư, xã hội, kinh tế và những vấn đề môi trường cần được quan tâm của quê hương, đất nước.

Học sinh tham gia đội tuyển học sinh giỏi lớp 9 môn Địa lí là những học sinh giỏi đã được tuyển chọn, bồi dưỡng qua các năm từ lớp 6 đến lớp 9, đó là những học sinh ham học hỏi, hứng thú say mê với môn Địa lí, các em đã có nền kiến thức cơ bản khá vững chắc, đã sử dụng tương đối thành thạo các kĩ năng địa lí (đọc, phân tích, nhận xét, sử dụng bản đồ, vẽ một số dạng biểu đồ...), đặc biệt là khả năng tự học, suy luận, tư duy logic.

III - Mục đích của sáng kiến kinh nghiệm

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi là nhiệm vụ nặng nề nhưng cũng rất đổi vinh dự cho người giáo viên khi tham gia bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi. Tuy nhiên điều mà tôi luôn băn khoăn, trăn trở và cũng là câu hỏi mà bất cứ giáo viên nào khi tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi cũng luôn đặt ra là: Làm thế nào để xây dựng và bồi dưỡng được một đội tuyển học sinh giỏi môn Địa lí thi đạt kết quả tốt nhất? Dạy như thế nào cho thật sự có hiệu quả? Làm thế nào để giúp cho học sinh học tốt?

Qua nhiều năm giảng dạy môn Địa lí ở bậc phổ thông trung học cơ sở và cũng đã tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi nhiều năm, tham dự nhiều lớp tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá, đúc rút kinh nghiệm

qua các giờ chuyên đề và dự giờ đồng nghiệp tôi xin trao đổi một vài kinh nghiệm về “**Xây dựng và bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi môn Địa lí lớp 9**”.

B. NỘI DUNG:

Xây dựng và bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi môn Địa lí lớp 9

I - Xây dựng đội tuyển học sinh giỏi môn Địa lí

Như chúng ta đã biết, trước đây môn Địa lí trong các trường trung học cơ sở luôn bị xem nhẹ mặc dù kiến thức và kĩ năng mà môn Địa lí cung cấp cho học sinh vô cùng quan trọng trong cuộc sống. Nhiều người cho rằng môn Địa lí học sinh chỉ cần học thuộc lòng một số ý chính, ngay cả sau này khi môn Địa lí tham gia vào đánh giá kết quả học tập của học sinh cũng chẳng ai nghĩ đến việc thi học sinh giỏi môn Địa lí. Phải đến khi Bộ, Sở giáo dục tổ chức thi Học sinh giỏi môn Địa lí lớp 9 thì các trường mới thành lập đội tuyển học sinh giỏi môn Địa lí lớp 9, lấy từ những học sinh khá giỏi đang học lớp 9, vận động tham gia.

Thực chất đội tuyển học sinh giỏi môn Địa lí lớp 9 lấy theo kiểu này kiến thức và kĩ năng của nhiều em còn hạn chế, nhiều em chăm nhưng học năm nào biết năm ấy, hoàn thành chương trình năm học xong là quên. Vì vậy giáo viên bồi dưỡng cho đội tuyển rất vất vả, gần như phải dạy lại kiến thức, hướng dẫn lại kĩ năng từ đầu, mất rất nhiều thời gian.

Sau một vài năm trăn trở, thử nghiệm tôi nhận thấy muốn có một đội tuyển học sinh giỏi môn Địa lí lớp 9 có chất lượng giáo viên chúng ta cần phải xây dựng, đội tuyển học sinh giỏi môn Địa lí từ lớp 6.

Lớp 6, học sinh được học môn Địa lí là một môn học riêng. Chương trình Địa lí lớp 6 – Địa lí đại cương, vô cùng quan trọng, nó cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản về Trái đất, phương hướng trên Trái đất, những quy luật địa đới, phi địa đới về sự thay đổi nhiệt độ, gió, mưa.... Học sinh bước đầu làm quen với bản đồ, lược đồ, biểu đồ, biết đọc, nhận xét Học sinh lớp 6, ham hiểu biết, nếu được giáo viên hướng dẫn, chỉ dạy, giao việc các em rất nhiệt tình. Nhiệm vụ của giáo viên giảng dạy lớp 6 bên cạnh việc đảm bảo chương trình giảng dạy phải quan tâm, bồi dưỡng, phát

hiện ra những em học sinh có năng lực, xây dựng niềm đam mê, yêu thích môn học cho các em ngay từ đầu.

Tùy theo mục tiêu của từng bài học, giao nhiệm vụ cho các em, có thể hướng dẫn học sinh làm một thí nghiệm (Ví dụ: Hiện tượng ngày và đêm; Ngày và đêm dài ngắn khác nhau trên Trái đất) hay sưu tầm tư liệu, những trang sách bổ ích phục vụ bài học theo những chuyên đề cụ thể (Ví dụ: Hiện tượng núi lửa, động đất; Đặc điểm các đới khí hậu trên Trái đất ...). Tạo điều kiện cho các em trình bày trước lớp, được trình bày thành quả của mình trước lớp các em cảm thấy tự tin, vinh dự và càng say mê hơn.

Chương trình Địa lí lớp 7, lớp 8 cung cấp cho học sinh những kiến thức về dân số, nguồn lao động, sự gia tăng dân số, sự phân bố dân cư... và những ảnh hưởng của nó đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Đặc điểm các môi trường tự nhiên, các châu lục và đặc biệt là đặc điểm tự nhiên, các tài nguyên thiên nhiên và các miền địa lí tự nhiên của Việt Nam cũng được trình bày rõ nét thông qua kênh hình và kênh chữ. Không chỉ cung cấp kiến thức, chương trình Địa lí lớp 7, lớp 8 còn rèn kĩ năng phân tích bảng số liệu, đọc, phân tích biểu đồ nhiệt độ lượng mưa, các bản đồ, lược đồ tự nhiên, kinh tế... để từ đó khai thác các kiến thức Địa lí dưới sự hướng dẫn của người thầy. Phát huy được tối đa trí lực của học sinh, vận dụng các kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng tự nhiên, các vấn đề kinh tế xã hội trong mối quan hệ nhân quả.

*** Ví dụ:** Dựa vào bản đồ (lược đồ), xác định vị trí giới hạn của các châu lục hay của Việt Nam; Xác định hướng gió, hướng núi; Sự phân bố các nguồn tài nguyên, các đới tự nhiên địa lí ...

*** Ví dụ:** Phân tích các biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của các môi trường địa lí để thấy được đặc điểm khí hậu của các kiểu môi trường; Biểu đồ sự phát triển dân số, phát triển kinh tế ... Đọc phân tích, nhận xét các lát cắt địa hình, lát cắt tổng hợp về địa lí tự nhiên.

Đây là những kiến thức và kĩ năng cơ bản, quan trọng liên quan đến nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi, chính vì vậy người giáo viên chúng ta khi giảng dạy chương trình địa lí lớp 7, lớp 8 phải tiếp tục bồi dưỡng kiến thức và kĩ năng, dành sự quan tâm

nhều hơn cho các học sinh giỏi – yêu thích môn Địa lí. Cử các em làm nhóm trưởng, hạt nhân của các nhóm học tập, thảo luận, tạo điều kiện cho các em hoạt động dưới sự hướng dẫn của giáo viên tự tìm tòi kiến thức, rèn kỹ năng địa lí. Qua các bài giảng, dần dần các em nâng cao được khả năng quan sát, suy luận, phát huy được tư duy địa lí, từ đó nắm vững và khắc sâu kiến thức, có kỹ năng địa lí thành thục.

Như vậy, qua từng năm học giáo viên đã xây dựng được ở các lớp những học sinh giỏi – yêu thích môn địa lí. Đây là những cơ sở, những thuận lợi tốt nhất để chúng ta có thể xây dựng, chọn một đội tuyển học sinh giỏi có chất lượng và giáo viên khi ôn tập và bồi dưỡng cho đội tuyển học sinh giỏi khối 9 dự thi các cấp đỡ vất vả, giảm thời gian không cần thiết và đạt hiệu quả cao.

II - Thành lập đội tuyển, xây dựng kế hoạch và chương trình bồi dưỡng

Vào đầu năm học, căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ môn học và nội dung thi Học sinh giỏi do Sở giáo dục chỉ đạo, tôi và các đồng nghiệp đã sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch, thống nhất nội dung bồi dưỡng, triển khai bồi dưỡng cho đội tuyển học sinh giỏi môn địa lí lớp 9.

Mỗi lớp, các giáo viên trực tiếp giảng dạy giới thiệu từ 1 đến 3 học sinh giỏi đã được giáo viên tạo nguồn từ những năm học trước để tham gia đội tuyển bồi dưỡng học sinh giỏi môn địa lí dự thi các cấp.

Sau khi thành lập xong đội tuyển, giáo viên giảng dạy môn địa lí chúng tôi thường phân công chuyên môn sâu: Một giáo viên chuyên bồi dưỡng kiến thức địa lí lớp 6 và lớp 8. Một giáo viên chuyên bồi dưỡng về kiến thức địa lí lớp 9 và rèn kỹ năng thực hành. Tôi luôn là giáo viên bồi dưỡng sau và tổng hợp kiến thức cho học sinh. Việc phân công này giúp cho các giáo viên có điều kiện đi sâu vào mảng kiến thức, kỹ năng mình được phân công, tìm ra cách chuyên tải hay, các bài tập sát nội dung, giúp cho học sinh nắm kiến thức nhanh và nhớ lâu.

Thời gian bồi dưỡng bắt đầu từ tháng 8, mỗi tuần 02 buổi, mỗi buổi 02 tiết. Cùng với việc tham gia vào đội tuyển bồi dưỡng học sinh giỏi môn địa lí, học sinh vẫn phải đảm bảo học tốt tất cả các môn khác, tham gia học thêm, thậm trí nhiều học sinh

cha mẹ cũng vẫn không coi trọng môn địa lí. Đây là một khó khăn rất lớn cho giáo viên dạy đội tuyển. Để có thể làm tốt được việc này, tôi luôn luôn, kích lệ học sinh, trao đổi với phụ huynh để họ yên tâm động viên con học tập. Tìm thời gian lịch học phù hợp với học sinh, kể cả học vào buổi chiều tối và chủ nhật.

Sau mỗi phần kiến thức đã được ôn tập tôi cho các em làm bài kiểm tra vừa để kiểm tra kiến thức, kĩ năng nắm được vừa có thể đánh giá được học sinh nào thật sự chăm chỉ, có khả năng tư duy, vận dụng tốt các kiến thức và kĩ năng vào bài làm để có những bài thi đạt kết quả cao. Từ đó lựa chọn được các thành viên chính thức của đội tuyển học sinh giỏi.

KẾ HOẠCH – CHƯƠNG TRÌNH

Buổi	Nội dung
1.	- Ôn tập kiến thức Địa lí lớp 6 (Tỉ lệ bản đồ, phương hướng trên bản đồ. Sự chuyển động của Trái đất quanh trục. Giờ trên Trái đất.)
2.	- Ôn tập kiến thức Địa lí lớp 6. (Sự chuyển động của Trái đất quanh Mặt trời và các hệ quả. Cách vẽ hình minh họa.)
3.	- Ôn tập kiến thức lớp 6 (Cách tính góc chiếu sáng của MT ở các vĩ độ khác nhau trong những ngày đặc biệt trên TĐ. Các qui luật địa đới trên Trái đất)
4.	Kiểm tra những kiến thức địa lí lớp 6
5.	- Ôn tập kiến thức về địa lí Tự nhiên Việt Nam (Dàn bài trình bày các đặc điểm tự nhiên VN, đặc điểm các miền địa lí TNVN. Hệ thống hóa những kiến thức quan trọng về đặc điểm các thành phần địa lí tự nhiên VN)
6.	- Ôn tập kiến thức về địa lí Tự nhiên Việt Nam (Đặc điểm các thành phần địa lí tự nhiên VN)
7.	- Ôn tập kiến thức về địa lí Tự nhiên Việt Nam (Đặc điểm các miền địa lí tự nhiên VN). - Bài tập áp dụng
8.	Ôn tập về thực hành: Vẽ, nhận xét biểu đồ (Nhận biết, cách vẽ các dạng biểu đồ hình tròn, hình cột).

9.	Kiểm tra những kiến thức địa lí 8 kết hợp với thực hành vẽ biểu đồ
10.	- Ôn tập về thực hành: Vẽ, nhận xét biểu đồ (Nhận biết, cách vẽ các dạng biểu đồ dạng đường, biểu đồ kết hợp) - Ôn tập về cách phân tích, nhận xét các bảng số liệu, biểu đồ.
11.	- Ôn tập kiến thức Địa lí lớp 9 (Đặc điểm Dân cư. Đặc điểm kinh tế chung của VN hiện nay) - Bài tập áp dụng
12.	- Ôn tập kiến thức Địa lí lớp 9 (Địa lí các ngành kinh tế + Dàn bài trình bày các nhân tố ảnh hưởng và tình hình phát triển các ngành kinh tế)
13.	- Ôn tập kiến thức Địa lí lớp 9 (Địa lí các vùng kinh tế . Địa lí Hà Nội + Dàn bài trình bày đánh giá tiềm năng và tình hình phát triển các ngành kinh tế quan trọng của từng vùng)
14.	Kiểm tra những kiến thức địa lí 9 kết hợp với thực hành vẽ biểu đồ
15.	- Tổng hợp kiến thức - Bài tập áp dụng
16.	- Tổng hợp kiến thức - Bài tập áp dụng

III - Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng cho đội tuyển học sinh giỏi môn Địa lí lớp 9

Nội dung ôn tập và bồi dưỡng cho đội tuyển học sinh giỏi được thống nhất trong toàn nhóm và bám sát nội dung thi Học sinh giỏi do Sở giáo dục chỉ đạo.

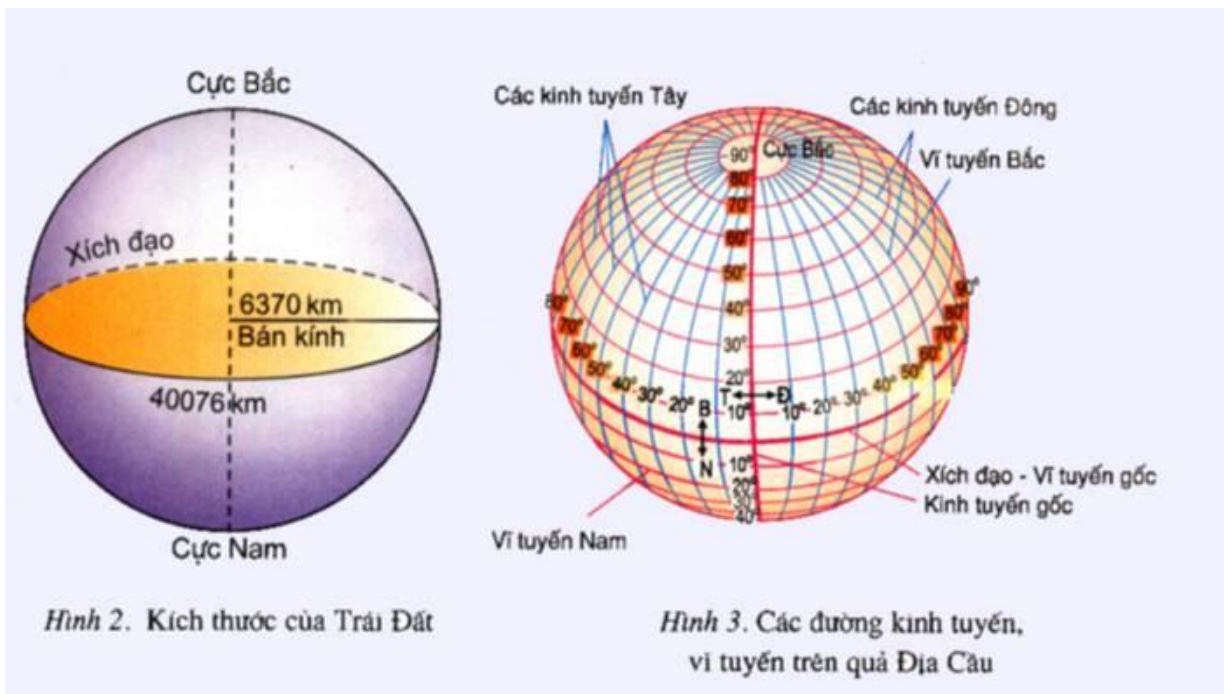
1 - Kiến thức địa lí lớp 6 (Địa lí đại cương)

1.1 - Vị trí, hình dạng, kích thước của Trái Đất.

*** Học sinh cần nắm được vị trí của Trái Đất trong hệ mặt trời**

Trái Đất ở vị trí thứ ba trong số tám hành tinh theo thứ tự xa dần Mặt Trời.

*** Hình dạng, kích thước của Trái Đất và hệ thống kinh, vĩ tuyến.**



Hình 2. Kích thước của Trái Đất

Hình 3. Các đường kinh tuyến, vĩ tuyến trên quả Địa Cầu

1.2 - Tỷ lệ bản đồ, phương hướng trên bản đồ. Các qui luật địa đới trên Trái đất...

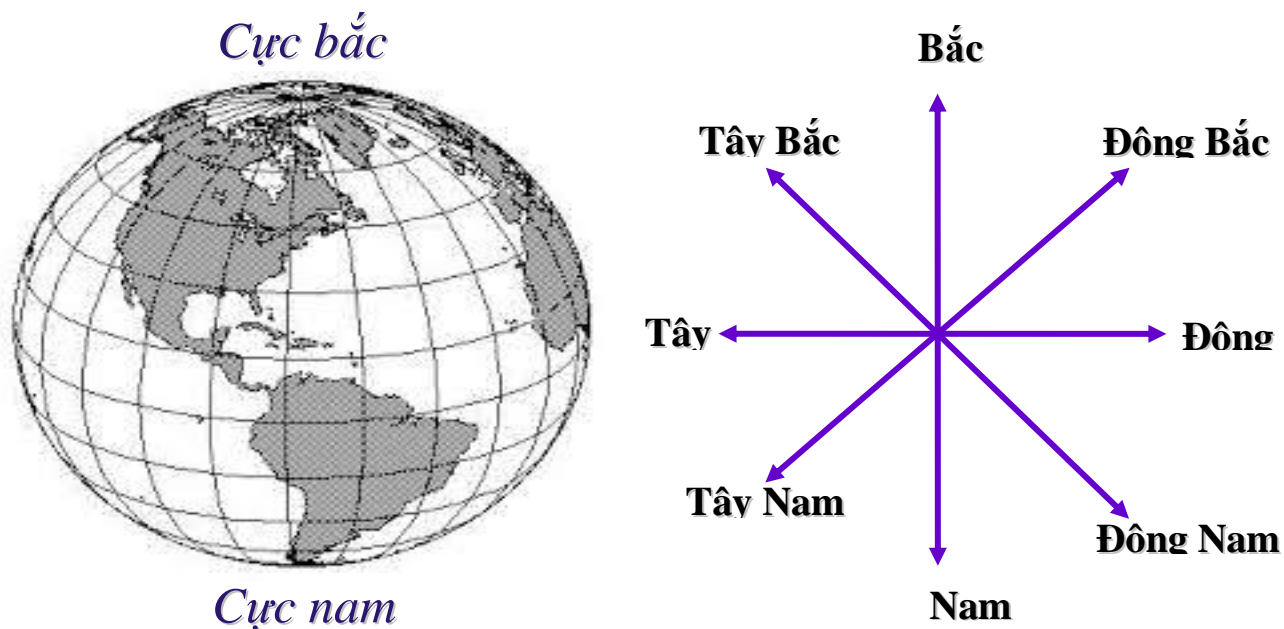
Đây là những kiến thức cơ bản liên quan đến những kiến thức cả các lớp trên. Nhằm vững những kiến thức này học sinh dễ dàng xác định vị trí, giới hạn (các châu lục, khu vực, các quốc gia...); Xác định hướng gió thổi, hướng sông, núi... ; Đo, tính khoảng cách trên thực tế, đặc biệt là đo độ dài của lát cắt địa lí. Để giúp học sinh nắm vững kiến thức phần này, tôi dạy các em thông qua các bài tập thực hành.

* Tỷ lệ bản đồ:

Hướng dẫn học sinh các tính khoảng cách trên thực địa dựa vào tỉ lệ số hoặc tỉ lệ thước trên bản đồ.

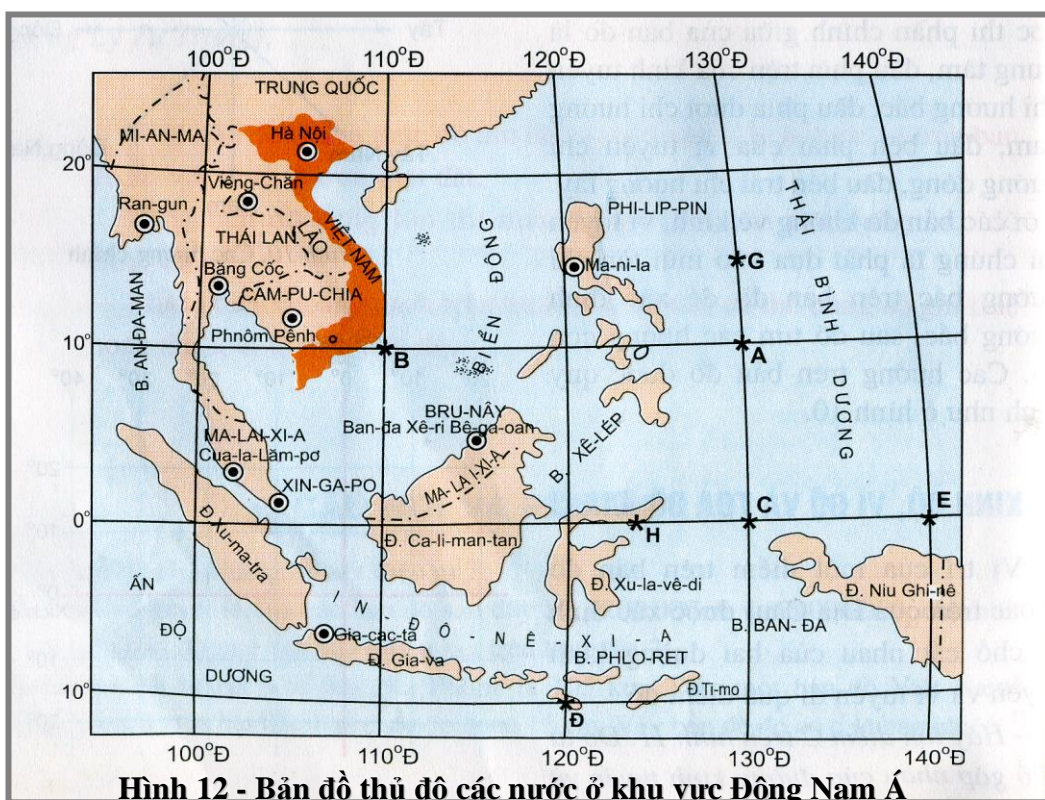
Ví dụ: Dựa vào số ghi tỉ lệ của các bản đồ sau đây 1: 200.000 và 1: 6.000.000, cho biết 5cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu km trên thực địa?

* **Phương hướng trên bản đồ:** Dựa vào hệ thống kinh vĩ tuyến để xác định được phương hướng chính trên bản đồ. Từ đó xác định các hướng còn lại như Đông Đông Bắc, Tây Tây Bắc....



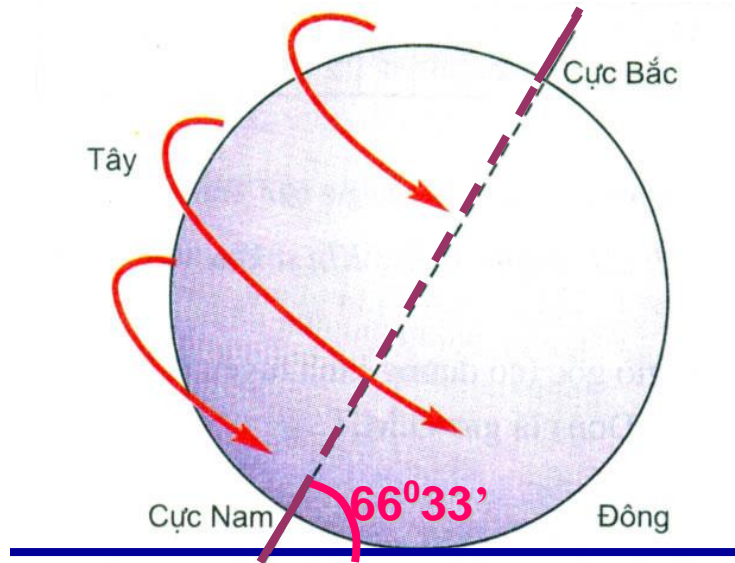
Hình 10: Các hướng chính

Áp dụng vào bài tập thực hành, giáo viên cho học sinh xác định phương hướng theo đường hàng không từ Hà Nội tới thăm thủ đô của một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á và xác định tọa độ địa lí của các điểm A, B, C, D, E, G, H trên bản đồ hình 12 – Bản đồ thủ đô các nước ở khu vực Đông Nam Á.



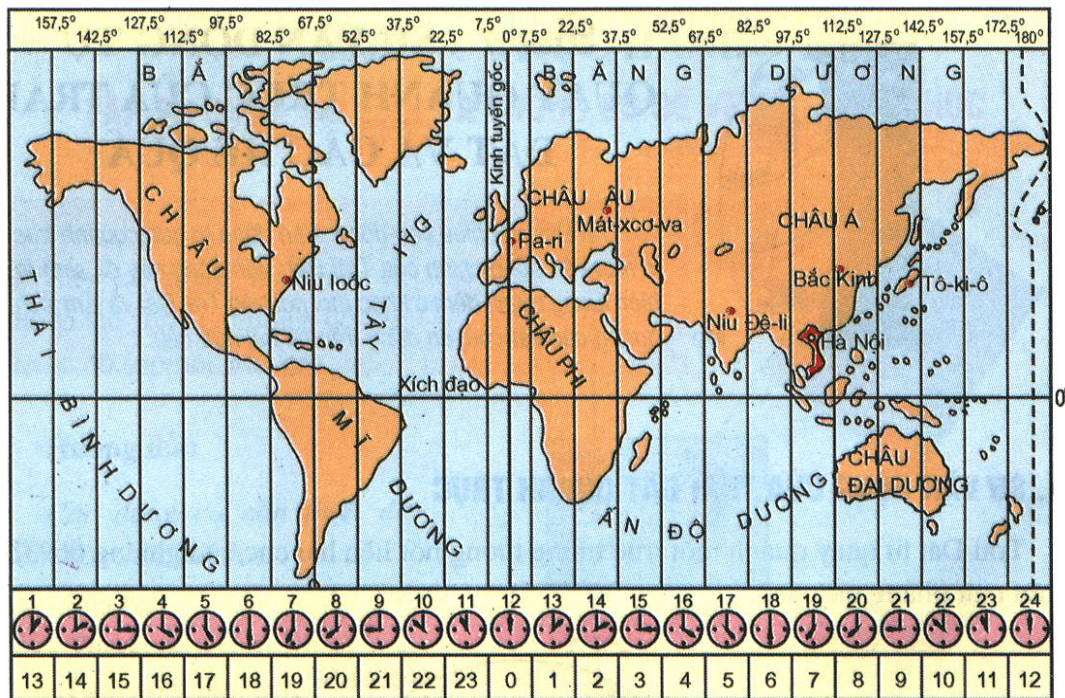
1.3 - Sự vận động tự quay quanh trục của Trái đất và các hệ quả.

* Sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất:



Hình 19 – Hướng tự quay của Trái Đất.

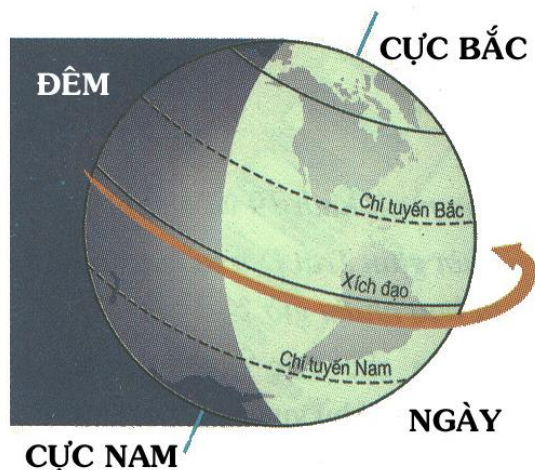
Giáo viên hướng dẫn học sinh vẽ và nhớ lại hướng quay, chu kì quay quanh trục của Trái Đất. Và để tiện cho việc tính giờ và giao dịch trên thế giới, người ta chia bề mặt Trái Đất ra 24 khu vực giờ. Kinh tuyến gốc được coi là khu vực giờ 0. Nước ta nằm ở khu vực giờ thứ 7 và thứ 8.



Hình 20. Các khu vực giờ trên Trái đất

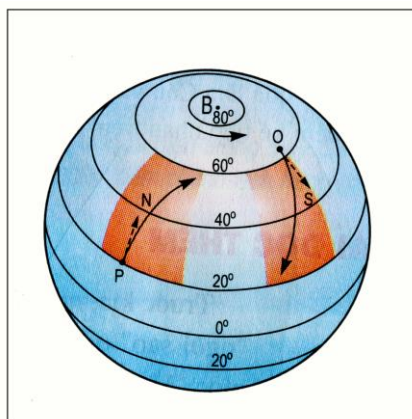
*** Hệ quả của sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất:**

Trái Đất có dạng hình cầu, do đó Mặt Trời bao giờ cũng chỉ chiếu sáng được một nửa. Nửa được chiếu sáng là ngày, nửa nằm trong bóng tối là đêm. Nhờ có sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất từ Tây sang Đông nên khắp mọi nơi trên Trái Đất đều lần lượt có ngày và đêm.



Hình 21 – Hiện tượng ngày đêm dài ngắn trên Trái Đất.

* Do sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất nên các vật chuyển động trên bề mặt Trái Đất đều bị lệch hướng. Ở nửa cầu Bắc nếu nhìn xuôi theo hướng chuyển động vật lệch về bên phải. Còn ở nửa cầu Nam vật lệch về bên trái.

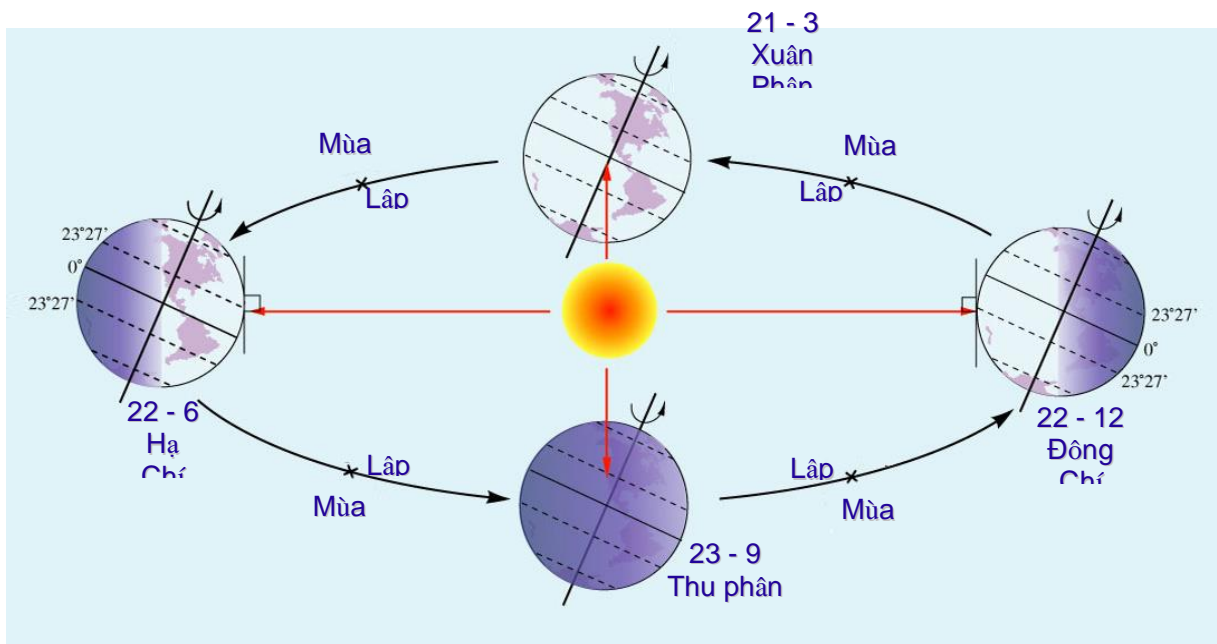


Hình 22 – Sự lệch hướng do vận động tự quay quanh trục của Trái Đất.

1.4 - Sự chuyển động của Trái đất quanh Mặt Trời và hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.

Cách tính góc chiếu sáng của Mặt trời ở các vĩ độ khác nhau trong những ngày đặc biệt trên Trái đất. Nếu như trước đây, phần lớn giáo viên chúng ta thường ôn lại cho học sinh bằng cách đọc cho học sinh chép những kiến thức cơ bản để ghi nhớ, học thuộc lòng thì tôi lại dạy học sinh theo cách khác. Tôi hướng dẫn học sinh cách vẽ hình minh họa về Trái đất sao cho dễ nhớ nhất và đúng kiến thức, trên hình thể hiện rõ đặc điểm của Trái đất, trục, độ nghiêng so với mặt phẳng quỹ đạo, hướng chuyển động, các đường vĩ tuyến quan trọng trên Trái đất. Đặc biệt vị trí của Trái đất trong các ngày (Hạ chí – 22/6; Đông chí – 22/12; Xuân phân – 21/3; Thu phân – 23/9).

Học theo cách này học sinh không chỉ nắm vững được kiến thức về hệ quả của sự chuyển động của Trái đất quanh trục, sự chuyển động của Trái đất quanh Mặt trời mà còn biết vẽ hình minh họa nhanh, không nhầm lẫn.



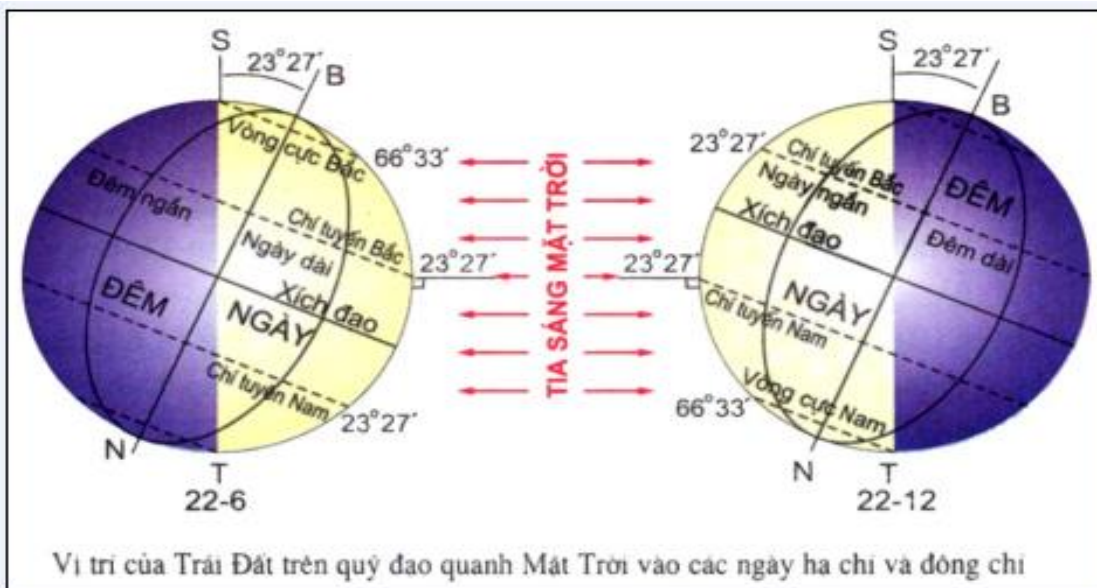
Sự vận động của Trái Đất quanh Mặt Trời và các mùa ở Bắc bán cầu

Học sinh cần hiểu được do trục Trái Đất nghiêng và không đổi hướng trong khi chuyển động trên quỹ đạo nên Trái Đất có lúc ngả nửa cầu Bắc, có lúc ngả nửa cầu Nam về phía Mặt Trời. Nửa cầu nào ngả về phía Mặt Trời thì nửa cầu đó có góc chiếu sáng lớn, nhận được nhiều ánh sáng và nhiệt. Lúc ấy là mùa nóng của nửa cầu đó. Nửa cầu nào

không ngả về phía Mặt Trời thì có góc chiếu sáng nhỏ, nhận được ít ánh sáng và nhiệt. Lúc ấy là mùa lạnh của nửa cầu đó.

*** Hiện tượng ngày đêm dài ngắn ở các vĩ độ khác nhau trên Trái Đất.**

Trong khi chuyển động quanh Mặt Trời, do trục Trái Đất nghiêng và không đổi phương nên Trái Đất có lúc chúc nửa cầu Bắc, có lúc ngả nửa cầu Nam về phía Mặt Trời. Do đường phân chia sáng tối (ST) không trùng với trục Trái Đất Bắc Nam (BN) nên các địa điểm ở nửa cầu Bắc và nửa cầu Nam có hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo vĩ độ. Riêng các địa điểm nằm trên đường xích đạo quanh năm lúc nào cũng có ngày đêm dài ngắn như nhau. Vào các ngày 22/6 và 22/12 các địa điểm ở vĩ tuyến $66^{\circ}33'$ Bắc và Nam có một ngày hoặc đêm dài suốt 24h. Tại các địa điểm $66^{\circ}33'$ Bắc và Nam đến hai cực có số ngày có ngày, đêm dài 24h dao động theo mùa, từ 1 ngày đến 6 tháng. Các địa điểm nằm ở cực Bắc và Nam có ngày, đêm dài suốt 6 tháng.



1.5 - Một số câu hỏi, bài tập vận dụng kiến thức địa lý đại cương:

Đây là một số câu hỏi trong bộ đề thi học sinh Giỏi thành phố - lớp 9 qua các năm, giáo viên giao cho học sinh về nhà làm để nắm thật chắc kiến thức địa lý đại cương sau đó kiểm tra, chấm, chữa để không tốn nhiều thời gian học trên lớp của đội tuyển.

Câu 1: Vào các ngày 22/6 và 22/12, độ dài của ngày và đêm ở Hà Nội (vĩ độ: $21^{\circ}01'N$) như thế nào? Hãy giải thích hiện tượng trên?

Câu 2: Hãy trình bày sự phân chia bề mặt Trái Đất ra 24 khu vực giờ. Sự phân chia đó có thuận lợi gì về mặt sinh hoạt và đời sống nhân dân?

Câu 3: Vẽ hình, nhận xét sự thay đổi số giờ chiếu sáng và góc chiếu sáng trong ngày 22/6 và giải thích sự thay đổi giờ chiếu sáng trong ngày đó từ xích đạo về hai cực.

Câu 4: Giả sử trục Trái Đất thẳng góc với mặt phẳng quỹ đạo và Trái Đất vẫn luôn tự quay quanh trục, khi đó hiện tượng ngày đêm trên Trái Đất sẽ như thế nào?

Câu 5: Dựa vào kiến thức đã học, hãy:

- Giải thích tại sao đường ray xe lửa Bắc – Nam bị mòn đều hai bên.
- Tác động của lực Cô-ri-ô-lit đến gió mùa mùa đông và gió mậu dịch khi thổi vào nước ta.

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Thời gian Mặt Trời mọc và lặn ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh vào ngày 21/5/2008.

Địa điểm	Giờ Mặt trời mọc	Giờ Mặt trời lặn
Hà Nội	5h17'	18h30'
TP Hồ Chí Minh	5h30'	18h10'

Qua bảng số liệu trên hãy rút ra nhận xét và giải thích nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch thời gian ngày đêm ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh vào ngày 21/5/2008.

Câu 7: Dựa vào vốn kiến thức, hãy:

- Giải thích vì sao ở cực Bắc có 6 tháng ngày, 6 tháng đêm nhưng thời gian giữa ngày và đêm không bằng nhau?
- Vẽ hình, nêu và giải thích hiện tượng ngày đêm trên Trái Đất vào ngày 22/12.

Câu 8: Trình bày sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất và các hệ quả. Nếu Trái Đất tự quay quanh trục theo chiều ngược lại so với thực tế thì hiện tượng gì sẽ xảy ra?

Câu 9: “Vào ngày 21/3 và 23/9, mọi địa điểm trên Trái Đất đều có thời gian chiếu sáng, góc chiếu sáng và lượng nhiệt nhận được như nhau”. Câu nói trên đúng hay sai? Vì sao?

Câu 10: Trình bày chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và nêu hệ quả của chuyển động đó.

2 - Kiến thức địa lí lớp 8 (Địa lí tự nhiên Việt Nam)

2.1 - Cách khai thác và sử dụng AtLat địa lí Việt Nam

Trước khi ôn tập cho học sinh phần Địa lí tự nhiên Việt Nam, giáo viên nên dành một thời gian nhất định để ôn lại cho các em cách khai thác và sử dụng AtLat địa lí Việt Nam khi học và làm bài:

Cách khai thác, sử dụng ATLAT địa lí VN

- Đọc kĩ nội dung câu hỏi để tìm các bản đồ có nội dung phù hợp

* **Ví dụ:** Trình bày đặc điểm địa hình hay khí hậu của Việt Nam hoặc của một miền địa lí tự nhiên.

- Nắm vững kí hiệu, hiểu ý nghĩa của các kí hiệu → hiểu nội dung

+ Kí hiệu điểm, kí hiệu đường, kí hiệu màu nền...

+ Ý nghĩa các kí hiệu thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ: sự phân bố, mật độ (số lượng), chất lượng (to, nhỏ, dài, ngắn...) → thấy được đặc điểm của các thành phần tự nhiên.

+ Giải mã các kí hiệu thường nằm ở trang 1 hoặc ngay trong các trang ATLAT

* **Ví dụ:** Kí hiệu thể hiện địa hình? Khoáng sản? sông ngòi? ...

- Biết sử dụng đủ các trang ATLAT để trả lời các câu hỏi

+ Có câu hỏi chỉ cần sử dụng 1 trang ATLAT

* **Ví dụ:** Trình bày đặc điểm địa hình, khoáng sản của Việt Nam?...

+ Có câu hỏi cần khai thác nhiều trang ATLAT

* **Ví dụ:** Đánh giá tiềm năng về tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp của nước ta? Cần: bản đồ địa hình, bản đồ khí hậu, bản đồ đất ...

2.2 - Đặc điểm các thành phần tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam.

- Phần này tôi hướng dẫn học sinh khai thác nội dung kiến thức được thể hiện trong các trang AtLat, phát huy tối đa các kĩ năng thực hành đã được học ở những năm trước: Đọc bản đồ, phân tích biểu đồ nhiệt độ lượng mưa, nhận xét đặc điểm, sự phân bố của các đối tượng địa lí. ..Phân tích, giải thích đặc điểm của các đối tượng địa lí dựa trên mối quan hệ nhân quả.

- Để học sinh dễ hiểu và nắm vững kiến thức bên cạnh việc hướng dẫn các em khai thác tối đa kênh hình, kênh chữ trong AtLat địa lí, đối với mỗi thành phần tự nhiên tôi đều hướng dẫn cho học sinh trình bày bài theo một dàn bài chung giúp các em nhớ kiến thức và làm bài đạt hiệu quả cao.

*** Ví dụ: Đặc điểm khí hậu Việt Nam**

- Vị trí (Giáp đâu? Phía nào?), giới hạn? (từ vĩ độ đến vĩ độ?)

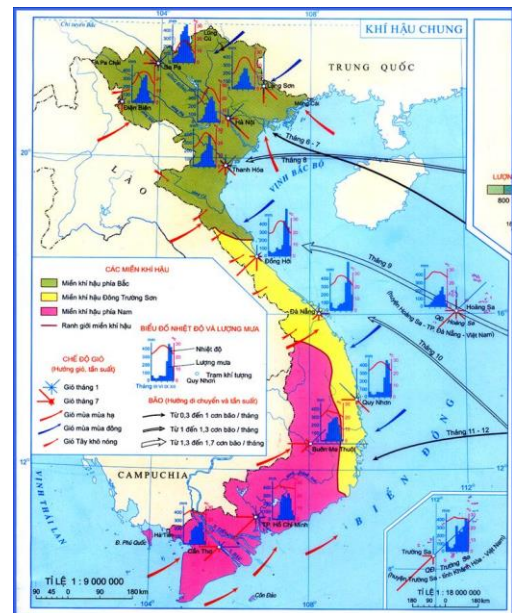
- Đặc điểm chung về khí hậu? (thuộc đới khí hậu, kiểu khí hậu, miền khí hậu nào?). Phân tích biểu đồ khí hậu cụ thể đại diện cho ba miền để thấy được đặc điểm nhiệt độ, lượng mưa, ảnh hưởng của gió mùa, tính chất ...

- Sự phân hóa đa dạng của khí hậu: Kể tên các miền khí hậu? Vị trí? đặc điểm?

- Sự biến động thất thường của khí hậu VN?

- Thuận lợi, khó khăn do khí hậu mang lại?

Lưu ý: Sử dụng đặc điểm vị trí địa lí, địa hình để giải thích đặc điểm khí hậu.



Lược đồ khí hậu Việt Nam

*** Ví dụ: Đặc điểm sông ngòi Việt Nam.**

- Học sinh cần nắm được đặc điểm chung của sông ngòi nước ta:

+ Mạng lưới sông ngòi dày đặc, có tới 2360 con sông dài trên 10 km, trong đó 93% là các sông nhỏ và ngắn. (Học sinh cần nắm được vì sao sông ngòi nước ta phần lớn lại là các con sông nhỏ, ngắn, dốc?)

+ Hướng chảy của sông do ảnh hưởng của hướng núi: hướng Tây Bắc – Đông Nam và hướng vòng cung.

+ Thủy chế: mùa lũ và mùa cạn khác nhau rõ rệt.

+ Lượng phù sa lớn (Lượng phù sa lớn có tác động như thế nào tới thiên nhiên và đời sống cư dân đồng bằng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long)

- Học sinh hiểu được giá trị của sông ngòi và thực trạng sông ngòi nước ta hiện nay từ đó có biện pháp phù hợp để bảo vệ và sử dụng hợp lí nguồn lợi từ sông.

- So sánh sự khác biệt giữa sông ngòi Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ.

Sông ngòi	Bắc Bộ	Trung Bộ	Nam Bộ
Hướng chảy			
Đặc điểm			
Thủy chế			
Hệ thống các sông lớn			
.....			

2.3 - Đặc điểm, sự khác biệt về tự nhiên của ba miền địa lí tự nhiên ở nước ta

Khi ôn tập đặc điểm ba miền địa lí tự nhiên, học sinh đã nắm khá vững những đặc điểm chung của các thành phần tự nhiên Việt Nam chính vì vậy tôi luôn hướng dẫn học sinh lập bảng so sánh khi trình bày đặc điểm các thành phần tự nhiên của các miền địa lí tự nhiên, giải thích sự khác biệt và người bạn đồng hành không thể thiếu được đó là các trang AtLat địa lí. Học và trình bày như vậy sẽ giúp cho học sinh nắm chắc kiến thức về đặc điểm các thành phần tự nhiên của các miền địa lí tự nhiên, giải thích được tại sao có đặc điểm đó và còn thấy được sự khác biệt giữa các miền địa lí tự nhiên của nước ta. Học sinh khi học đặc điểm các thành phần tự nhiên của miền này sẽ nhớ đến đặc điểm các miền khác rất nhanh.

Bảng so sánh các thành phần tự nhiên của các miền địa lí tự nhiên

Miền địa lí tự nhiên Yếu tố	Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ	Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ	Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ
Vị trí, giới hạn			
Địa chất			
Địa hình			

Khí hậu			
Sông ngòi			
Tài nguyên thiên nhiên			

2.4 - Triển vọng phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường

Nội dung bồi dưỡng này vô vùng quan trọng, nó không chỉ đơn thuần là cung cấp kiến thức về triển vọng phát triển kinh tế và vấn đề bảo vệ môi trường của các miền mà nó còn khắc sâu cho học sinh mối quan hệ giữa tự nhiên với phát triển kinh tế và vấn đề bảo vệ tài nguyên, môi trường. Khi nắm vững phần kiến thức này, các em dễ dàng đánh giá tiềm năng để phát triển kinh tế của một vùng kinh tế trong chương trình địa lí lớp 9.

* **Ví dụ:** Lập bảng nêu tiềm năng phát triển kinh tế cùng các vấn đề bảo vệ môi trường

Tiềm năng phát triển kinh tế	Vấn đề bảo vệ môi trường
Vùng đồi núi: Khai thác KS, LS, thủy điện, trồng cây CN, chăn nuôi gia súc lớn	Khai thác sử dụng hợp lí, tiết kiệm đi đôi với bảo vệ môi trường, trồng rừng, làm ruộng bậc thang
Vùng đồng bằng: Phát triển CN, NN, GTVT, DV, trồng cây lương thực và chăn nuôi gia súc nhỏ	Hạ tỉ lệ gia tăng dân số, chống ô nhiễm đất, nước, ô nhiễm môi trường, cải tạo đất
Vùng biển: Khai thác, nuôi trồng TS, XD cảng biển, khai thác dầu khí	Chống ô nhiễm nước biển do chất thải CN, NN, SH và dầu
Cả ba miền địa lí tự nhiên đều giàu tiềm năng du lịch (DL nhân văn, DL tự nhiên)	Đầu tư, tôn tạo, có ý thức bảo vệ, giữ gìn các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh

2.5 – Một số dạng câu hỏi và bài tập củng cố kiến thức Địa lí tự nhiên Việt Nam:

Câu 1: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, trình bày đặc điểm địa hình của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có tác động như thế nào đến đặc điểm sông ngòi của miền?

Câu 2: Đặc điểm chung của thiên nhiên nước ta là có sự phân hóa đa dạng và phức tạp. Hãy chứng minh khí hậu ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ cũng có sự phân hóa đa dạng và phức tạp.

Câu 3: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, em hãy chứng minh khí hậu nước ta có tính chất đa dạng và thất thường. Những nhân tố chủ yếu nào đã làm cho khí hậu nước ta có những tính chất trên.

Câu 4: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, em hãy đánh giá những thuận lợi và khó khăn về tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đối với phát triển kinh tế.

Câu 5: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, em hãy:

- Nêu đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng lãnh thổ nước ta. Ý nghĩa đối với tự nhiên, phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng.

- So sánh địa hình vùng núi Đông Bắc với vùng núi Tây Bắc, Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.

- Nêu thế mạnh và hạn chế của địa hình đồi núi với phát triển kinh tế xã hội ở nước ta.

Câu 6: Dựa vào bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng và năm của Hà Nội và TP Hồ Chí Minh (Đơn vị: °C)

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	năm
Hà Nội	16,4	17	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,1	27,2	24,6	21,4	18,2	23,5
TP HCM	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,3	27,1	26,7	26,7	26,4	25,7	27,1

Hãy phân tích sự khác biệt trong chế độ nhiệt của hai địa điểm trên và giải thích tại sao có sự khác nhau đó.

Câu 7: Hãy mô tả đặc điểm địa hình và khí hậu dọc theo lát cắt từ thành phố Điện Biên đến thành phố Lạng Sơn (trang 9 Atlas địa lí Việt Nam).

3 - Kiến thức địa lí lớp 9 (Địa lí dân cư, kinh tế Việt Nam)

- Yêu cầu học sinh nắm vững được tiềm năng và tình hình phát triển của các ngành kinh tế và các vùng kinh tế ở nước ta.
- Rèn kĩ năng đọc ATLAT địa lí VN để phát hiện kiến thức
- Phân tích mối quan hệ giữa các thành phần TN, dân cư ảnh hưởng đến sự phân bố dân cư và phát triển kinh tế.

3.1 - Phần địa lí dân cư

- Mục tiêu của phần này là giúp học sinh nắm vững được đặc điểm dân cư, sự phân bố dân cư ở nước ta, thấy được ảnh hưởng của tự nhiên đến dân cư và của dân cư đến sự phát triển kinh tế.
- Để giúp các em ôn lại kiến thức tôi hướng dẫn học sinh làm việc với các lược đồ, biểu đồ trong các trang AtLat địa lí 15, 16, phân tích các lược đồ, biểu đồ để thấy được sự thay đổi, biến động về dân số, cơ cấu dân số, cơ cấu lao động, sự gia tăng dân số của nước ta qua các thời kỳ và sự phân bố dân cư ở nước ta. Kết hợp với một số trang AtLat địa lí có liên quan, kiến thức đã học và hiểu biết thực tế để giải thích sự thay đổi, biến động, thấy được nguyên nhân, hậu quả và tìm ra được hướng giải quyết. Sau đó giáo viên giúp các em chuẩn kiến thức và bổ sung thêm những kiến thức không khai thác được trong AtLat. Làm như vậy học sinh nhớ lại kiến thức rất nhanh và rèn chắc được kĩ năng địa lí.

3.2 - Phần địa lí kinh tế và sự phân hóa lãnh thổ

- Đây là phần kiến thức chủ yếu trong chương trình địa lí lớp 9, những kiến thức mà học sinh cần nắm vững trong nội dung thi học sinh giỏi là: Tiềm năng và tình hình phát triển của các ngành kinh tế và các vùng kinh tế ở nước ta, kể cả địa lí Hà Nội.
- Khi ôn tập, bồi dưỡng kiến thức cho học sinh đội tuyển phần này, tôi không dạy theo kiểu nhắc lại kiến thức về tình hình phát triển của từng ngành kinh tế hay tiềm năng của các vùng kinh tế mà tôi hướng dẫn học sinh cách trả lời câu hỏi và trình bày theo dàn bài chung. Kết hợp khai thác tối đa kiến thức từ các trang AtLat và những kiến

thức đã học, học theo cách này, học sinh không bị ghi nhớ máy móc, nhớ bài được nhiều hơn, vận dụng vào làm bài rất tốt.

*** Ví dụ:**

Khi trình bày tiềm năng để phát triển một ngành kinh tế hay trả lời câu hỏi “Giải thích tại sao ngành ... phát triển?” thì phải trình bày các nhân tố tự nhiên và nhân tố kinh tế xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành đó.

Dàn bài trình bày tình hình phát triển một ngành kinh tế

- + Nhận định chung về tình hình phát triển?
- + Tình hình phát triển? (Cơ cấu gồm các ngành? Đọc trong ATLAT địa lí, Phân tích các số liệu trong các biểu đồ ngành ở ATLAT địa lí hoặc đề bài cho)
- + Giải thích sự phát triển? (Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết thực tế)
- + Trình bày sự phân bố? (Tập trung đông ở đâu? Đo tính 1 – 2 biểu đồ cụ thể trong ATLAT địa lí)
- + Giải thích sự phân bố? (Dựa vào các nhân tố KT - XH)
- + Khó khăn hoặc hướng giải quyết?

Dàn bài đánh giá tiềm năng về tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế của một vùng kinh tế

- + Xác định vị trí địa lí, giới hạn; Nêu ý nghĩa của vị trí địa lí.
- + Nêu những đặc điểm nổi bật về tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

Địa hình? Đất đai?

Khí hậu?

Sông ngòi?

Các tài nguyên khác?

(khoáng sản, rừng, biển, du lịch)

...

} Thuận lợi để phát triển ngành gì?
Những khó khăn?

3.3 - Kỹ năng thực hành vẽ, nhận xét các dạng biểu đồ và phân tích bảng số liệu thống kê

Vẽ các dạng biểu đồ và phân tích, nhận xét số liệu thống kê là một nội dung quan trọng trong bồi dưỡng kỹ năng cho học sinh tham gia thi học sinh giỏi môn Địa lí. Muốn học sinh làm bài tốt nội dung này thì ngay khi dạy các bài thực hành có vẽ biểu đồ hay nhận xét phân tích số liệu trên lớp, giáo viên phải hướng dẫn học sinh cách nhận biết khi nào thì vẽ dạng biểu đồ hình tròn, hình cột, dạng đường hay miền Khi vẽ cần lưu ý những gì? Nhận xét biểu đồ, phân tích số liệu cần so sánh, nhận xét và lấy dẫn chứng như thế nào?

Biểu đồ địa lý rất đa dạng, ta thường gặp trong các tài liệu sách báo trình bày về các lĩnh vực kinh tế hay trong các phòng triển lãm; Cách thể hiện biểu đồ có thể khác nhau, ví dụ trong các phòng triển lãm, người ta thường cách điệu hóa chúng dưới dạng không gian ba chiều, nhưng vẫn thể hiện được tính chất khách quan về mặt khoa học. Đối với khoa học Địa lí, chúng ta cũng gặp khá đầy đủ các dạng biểu đồ khác nhau trong lĩnh vực địa lí tự nhiên (biểu đồ về khí hậu, khí tượng, thủy văn...) hay trong địa lý kinh tế - xã hội (biểu đồ về dân cư – dân tộc, tình hình phát triển kinh tế của các ngành, các vùng...), cách thể hiện cũng đa dạng tùy thuộc vào yêu cầu của bài viết cụ thể.

Để có thể dễ dàng phân biệt được các loại biểu đồ, giáo viên hướng dẫn học sinh tạm xếp biểu đồ thành 2 nhóm với 7 loại biểu đồ và khoảng 20 dạng khác nhau tùy theo cách thể hiện

● **Nhóm 1.** Hệ thống các biểu đồ thể hiện qui mô và động thái phát triển, có các dạng sau:

- Biểu đồ đường biểu diễn:

▪ Yêu cầu thể hiện tiến trình động thái phát triển của các hiện tượng theo chuỗi thời gian.

- Các dạng biểu đồ chủ yếu: Biểu đồ một đường biểu diễn; Biểu đồ nhiều đường biểu diễn (có cùng một đại lượng); Biểu đồ có nhiều đường biểu diễn (có 2 đại lượng khác nhau); Biểu đồ chỉ số phát triển

- Biểu đồ hình cột:

- Yêu cầu thể hiện về qui mô khối lượng của một đại lượng, so sánh tương quan về độ lớn giữa các đại lượng.

- Các dạng biểu đồ chủ yếu: Biểu đồ một dãy cột đơn; Biểu đồ có 2, 3,... cột gộp nhóm (cùng một đại lượng); Biểu đồ có 2, 3,...cột gộp nhóm (nhưng có hai hay nhiều đại lượng khác nhau); Biểu đồ nhiều đối tượng trong một thời điểm; Biểu đồ thanh ngang; Tháp dân số (dạng đặc biệt)

- Biểu đồ kết hợp cột và đường.

- Yêu cầu thể hiện động lực phát triển và tương quan độ lớn giữa các đại lượng.

- Các dạng biểu đồ chủ yếu: Biểu đồ cột và đường (có 2 đại lượng khác nhau); Biểu đồ cột và đường có 3 đại lượng (nhưng phải có 2 đại lượng phải cùng chung một đơn vị tính).

- **Nhóm 2.** Hệ thống các biểu đồ cơ cấu, có các dạng biểu đồ sau:

- Biểu đồ hình tròn.

- Yêu cầu thể hiện: Cơ cấu thành phần của một tổng thể; Qui mô của đối tượng cần trình bày.

- Các dạng biểu đồ chủ yếu: Biểu đồ một hình tròn; 2, 3 biểu đồ hình tròn (kích thước bằng nhau); 2, 3 biểu đồ hình tròn (kích thước khác nhau); Biểu đồ cặp 2 nửa hình tròn; Biểu đồ hình vành khăn.

- Biểu đồ cột chồng.

- Yêu cầu thể hiện qui mô và cơ cấu thành phần trong một hay nhiều tổng thể.

- Các dạng biểu đồ chủ yếu: Biểu đồ một cột chồng; Biểu đồ 2, 3 cột chồng (cùng một đại lượng).

- Biểu đồ miền.

- Yêu cầu thể hiện đồng thời cả hai mặt cơ cấu và động thái phát triển của đối tượng qua nhiều thời điểm.
- Các dạng biểu đồ chủ yếu: Biểu đồ miền “chồng nối tiếp”; Biểu đồ miền “chồng từ gốc toạ độ”.

3.3.1 – Kỹ năng lựa chọn biểu đồ thích hợp:

Để thể hiện tốt biểu đồ, cần phải có kỹ năng lựa chọn biểu đồ thích hợp nhất; kỹ năng tính toán, xử lý số liệu (ví dụ, tính giá trị cơ cấu (%), tính tỉ lệ về chỉ số phát triển, tính bán kính hình tròn...); kỹ năng vẽ biểu đồ (chính xác, đúng, đẹp...); kỹ năng nhận xét, phân tích biểu đồ; kỹ năng sử dụng các dụng cụ vẽ kỹ thuật (máy tính cá nhân, bút, thước...)

Câu hỏi trong các bài tập thực hành về kỹ năng biểu đồ thường có 3 phần: Lời dẫn (đặt vấn đề); Bảng số liệu thống kê; Lời kết (yêu cầu cần làm) và học sinh phải căn cứ vào các phần để lựa chọn ra được dạng biểu đồ thích hợp nhất.

● **Căn cứ vào lời dẫn** (đặt vấn đề). Trong câu hỏi thường có 3 dạng sau:

- Dạng lời dẫn có chỉ định. Ví dụ: “Từ bảng số liệu, hãy vẽ biểu đồ hình tròn thể hiện cơ cấu sử dụng ... năm...”. Như vậy, ta có thể xác định ngay được biểu đồ cần thể hiện.

- Dạng lời dẫn kín. Ví dụ: “Cho bảng số liệu sau... Hãy vẽ biểu đồ thích hợp nhất.... thể hiện.... & cho nhận xét)”. Như vậy, bảng số liệu không đưa ra một gợi ý nào, muốn xác định được biểu đồ cần vẽ, ta chuyên xuống nghiên cứu các thành phần sau của câu hỏi. Với dạng bài tập có lời dẫn kín thì bao giờ ở phần cuối “trong câu kết” cũng gợi ý cho chúng ta nên vẽ biểu đồ gì.

- Dạng lời dẫn mở. Ví dụ: “Cho bảng số liệu... Hãy vẽ biểu đồ sản lượng công nghiệp nước ta phân theo các vùng kinh tế năm...”. Như vậy, trong câu hỏi đã có gợi ý ngầm là vẽ một loại biểu đồ nhất định. Với dạng ”lời dẫn mở“ cần chú ý vào một số từ gợi mở trong câu hỏi. Ví dụ:

+ Khi vẽ biểu đồ đường biểu diễn: Thường có những từ gợi mở đi kèm như “tăng trưởng”, “biến động”, “phát triển”, “qua các năm từ... đến...”. Ví dụ: Tốc độ tăng dân

số của nước ta qua các năm...; Tình hình biến động về sản lượng lương thực...; Tốc độ phát triển của nền kinh tế... v.v.

+ Khi vẽ biểu đồ hình cột: Thường có các từ gợi mở như: "Khối lượng", "Sản lượng", "Diện tích" từ năm... đến năm...", hay "Qua các thời kỳ...". Ví dụ: Khối lượng hàng hoá vận chuyển...; Sản lượng lương thực của ...; Diện tích trồng cây công nghiệp...

+ Khi vẽ biểu đồ cơ cấu: Thường có các từ gợi mở "Cơ cấu", "Phân theo", "Trong đó", "Bao gồm", "Chia ra", "Chia theo...". Ví dụ: Giá trị ngành sản lượng công nghiệp phân theo...; Hàng hoá vận chuyển theo loại đường...; Cơ cấu tổng giá trị xuất - nhập khẩu...

● **Căn cứ vào trong bảng số liệu thông kê:** Việc nghiên cứu đặc điểm của bảng số liệu để chọn vẽ biểu đồ thích hợp, cần lưu ý:

- Nếu bảng số liệu đưa ra dãy số liệu: Tỷ lệ (%), hay giá trị tuyệt đối phát triển theo một chuỗi thời gian (có ít nhất là từ 4 thời điểm trở lên). Nên chọn vẽ biểu đồ đường biểu diễn.

- Nếu có dãy số liệu tuyệt đối về qui mô, khối lượng của một (hay nhiều) đối tượng biến động theo một số thời điểm (hay theo các thời kỳ). Nên chọn biểu đồ hình cột đơn.

- Trong trường hợp có 2 đối tượng với 2 đại lượng khác nhau, nhưng có mối quan hệ hữu cơ. Ví dụ: diện tích (ha), năng suất (tạ/ha) của một vùng nào đó theo chuỗi thời gian. Chọn biểu đồ kết hợp.

- Nếu bảng số liệu có từ 3 đối tượng trở lên với các đại lượng khác nhau (tấn, mét, ha...) diễn biến theo thời gian. Chọn biểu đồ chỉ số.

- Trong trường hợp bảng số liệu trình bày theo dạng phân ra từng thành phần. Ví dụ: tổng số, chia ra: nông - lâm - ngư; công nghiệp - xây dựng; dịch vụ. Với bảng số liệu này ta chọn biểu đồ cơ cấu, có thể là hình tròn; cột chồng; hay biểu đồ miền. Cần lưu ý:

▪ Nếu vẽ biểu đồ hình tròn: Điều kiện là số liệu các thành phần khi tính toán phải bằng 100% tổng.

- Nếu vẽ biểu đồ cột chồng: Khi một tổng thể có quá nhiều thành phần, nếu vẽ biểu đồ hình tròn thì các góc cạnh hình quạt sẽ quá hẹp, trường hợp này nên chuyển sang vẽ biểu đồ cột chồng (theo đại lượng tương đối (%)) cho dễ thể hiện.
- Nếu vẽ biểu đồ miền: Khi trên bảng số liệu, các đối tượng trải qua từ 4 thời điểm trở lên (trường hợp này không nên vẽ hình tròn).

● **Căn cứ vào lời kết của câu hỏi.**

Có nhiều trường hợp, nội dung lời kết của câu hỏi chính là gợi ý cho vẽ một loại biểu đồ cụ thể nào đó. Ví dụ: “Cho bảng số liệu sau... Anh (chị) hãy vẽ biểu đồ thích hợp... Nhận xét về sự chuyển dịch cơ cấu... và giải thích nguyên nhân của sự chuyển dịch đó”. Như vậy, trong lời kết của câu hỏi đã ngầm cho ta biết nên chọn loại biểu đồ (thuộc nhóm biểu đồ cơ cấu) là thích hợp.

3.3.2 - Kỹ thuật tính toán, xử lý các số liệu để vẽ biểu đồ.

Đối với một số loại biểu đồ (đặc biệt là biểu đồ cơ cấu), cần phải tính toán và xử lý số liệu như sau:

● **Tính tỉ lệ cơ cấu (%) của từng thành phần trong một tổng thể.** Có 2 trường hợp xảy ra

- Trường hợp (1): Nếu bảng thống kê có cột tổng. Ta chỉ cần tính theo công thức:

Tỉ lệ cơ cấu (%) của (A) = Số liệu tuyệt đối của (thành phần A) x 100 : Tổng số

- Trường hợp (2): Nếu bảng số liệu không có cột tổng, ta phải cộng số liệu giá trị của từng thành phần ra (tổng) rồi tính như trường hợp (1).

● **Tính qui đổi tỉ lệ (%) của từng thành phần ra độ góc hình quạt để vẽ biểu đồ hình tròn.** Chỉ cần suy luận: Toàn bộ tổng thể = 100% phủ kín hình tròn (360 độ), như vậy 1% = 3,6 độ. Để tìm ra độ góc của các thành phần cần vẽ, ta lấy số tỉ lệ giá trị (%) của từng thành phần nhân với 3,6 độ (không cần trình bày từng phép tính qui đổi ra độ vào bài làm)

● **Tính bán kính các vòng tròn.** Có 2 trường hợp xảy ra:

- Trường hợp (1). Nếu số liệu của các tổng thể cho là (%). Ta vẽ các hình tròn có bán kính bằng nhau, vì không có cơ sở để so sánh vẽ biểu đồ lớn nhỏ khác nhau.

- Trường hợp (2). Nếu số liệu của các tổng thể cho là giá trị tuyệt đối (lớn, nhỏ khác nhau), ta phải vẽ các biểu đồ có bán kính khác nhau. Ví dụ: Giá trị sản lượng công nghiệp của năm (B) gấp 2,4 lần năm (A), thì diện tích biểu đồ (B) cũng sẽ lớn gấp 2,4 lần biểu đồ (A); Hay bán kính của biểu đồ (B) sẽ bằng: $2,4 = 1,54$ lần bán kính biểu đồ (A).

Lưu ý trường hợp thứ (2) chỉ tính tương quan cụ thể bán kính của hai biểu đồ khi mà hai biểu đồ này sử dụng cùng một thước đo giá trị, ví dụ: GDP của hai năm khác nhau nhưng cùng được tính theo một giá so sánh; Hay sản lượng của các ngành tính theo hiện vật như tấn, triệu mét,...; Hay hiện trạng sử dụng đất cùng tính bằng triệu ha, ha,...)

• **Tính chỉ số phát triển.** Có 2 trường hợp xảy ra:

- Trường hợp (1):

Nếu bảng số liệu về tình hình phát triển của ngành kinh tế nào đó trải qua ít nhất là từ 4 thời điểm với 2 đối tượng khác nhau), yêu cầu tính chỉ số phát triển (%).

Cách tính: Đặt giá trị đại lượng của năm đầu tiên trong bảng số liệu thống kê thành năm đối chứng = 100%. Tính cho giá trị của những năm tiếp theo: Giá trị của năm tiếp theo (chia) cho giá trị của năm đối chứng, rồi (nhân) với 100 sẽ thành tỉ lệ phát triển (%) so với năm đối chứng; Số đó được gọi là chỉ số phát triển.

3.3.3 – Kỹ năng vẽ một số dạng biểu đồ:

a) Đối với các biểu đồ: Hình cột; Đường biểu diễn (đồ thị); Biểu đồ kết hợp (cột và đường); Biểu đồ miền. Chú ý: ▪ Trục giá trị (Y) thường là trục đứng: Phải có mốc giá trị cao hơn giá trị cao nhất trong chuỗi số liệu. Phải có mũi tên chỉ chiều tăng lên của giá trị. Phải ghi danh số ở đầu cột hay dọc theo cột (ví dụ: tấn, triệu, % ...). Phải ghi rõ gốc tọa độ, có trường hợp ta có thể chọn gốc tọa độ khác (0), nếu có chiều âm(-) thì phải ghi rõ. ▪ Trục định loại (X) thường là trục ngang: Phải ghi rõ danh số (ví dụ: năm, nhóm tuổi.v.v.). Trường hợp trục ngang (X) thể hiện các mốc thời gian (năm). Đối với các biểu đồ đường biểu diễn, miền, kết hợp đường và cột, phải chia các mốc trên trục ngang (X) tương ứng với các mốc thời gian. Riêng đối với các biểu đồ hình

cột, điều này không có tính chất bắt buộc, nhưng vẫn có thể chia khoảng cách đúng với bảng số liệu để ta dễ dàng quan sát được cả hai mặt qui mô và động thái phát triển. Phải ghi các số liệu lên đầu cột (đối với các biểu đồ cột đơn). Trong trường hợp của biểu đồ cột đơn, nếu có sự chênh lệch quá lớn về giá trị của một vài cột (lớn nhất) và các cột còn lại. Ta có thể dùng thủ pháp là vẽ trục (Y) gián đoạn ở chỗ trên giá trị cao nhất của các cột còn lại. Như vậy, các cột có giá trị lớn nhất sẽ được vẽ thành cột gián đoạn, như vậy biểu đồ vừa đảm bảo tính khoa học và thẩm mỹ. ▪ Biểu đồ phải có phần chú giải và tên biểu đồ. Nên thiết kế ký hiệu chú giải trước khi vẽ các biểu đồ thể hiện các đối tượng khác nhau. Tên biểu đồ có thể ghi ở trên, hoặc dưới biểu đồ

b) Đối với biểu đồ hình tròn: Cần chú ý: ▪ Thiết kế chú giải trước khi vẽ các hình quạt thể hiện các phần của đối tượng. Trật tự vẽ các hình quạt phải theo đúng trật tự được trình bày ở bảng chú giải. ▪ Nếu vẽ từ 2 biểu đồ trở lên: Phải thống nhất qui tắc vẽ, vẽ hình quạt thứ nhất lấy từ tia 12 giờ (như mặt đồng hồ), rồi vẽ tiếp cho hình quạt thứ 2, 3... thuận chiều kim đồng hồ. Trường hợp vẽ biểu đồ cặp hai nửa hình tròn thì trật tự vẽ có khác đi một chút. Đối với nửa hình tròn trên ta vẽ hình quạt thứ nhất bắt đầu từ tia 9 giờ, rồi vẽ tiếp cho thành phần thứ 2, 3 ... thuận chiều kim đồng hồ; đối với nửa hình tròn dưới ta cũng vẽ hình quạt thứ nhất từ tia 9 giờ và vẽ cho thành phần còn lại nhưng ngược chiều kim đồng hồ ▪ Nếu bảng số liệu cho là cơ cấu (%): thì vẽ các biểu đồ có kích thước bằng nhau (vì không có cơ sở để vẽ các biểu đồ có kích thước lớn, nhỏ khác nhau). ▪ Nếu bảng số liệu thể hiện là giá trị tuyệt đối: thì phải vẽ các biểu đồ có kích thước khác nhau một cách tương ứng. Yêu cầu phải tính được bán kính cho mỗi vòng tròn. ▪ Biểu đồ phải có: phần chú giải, tên biểu đồ (ở trên hoặc ở dưới biểu đồ đã vẽ).

c) Đối với biểu đồ hình vuông (100 ô vuông). Thường được dùng thể hiện cơ cấu nhưng nói chung biểu đồ này ít dùng, vì khi vẽ tốn thời gian, tốn diện tích thể hiện, khả năng truyền đạt thông tin có hạn, khi thể hiện phần lẻ không uyển chuyển bằng biểu đồ hình tròn. Các qui ước khác giống như vẽ biểu đồ hình tròn.

* **Khi lựa chọn và vẽ các loại biểu đồ cần lưu ý:** Các loại biểu đồ có thể sử dụng thay thế cho nhau tùy theo đặc trưng của các số liệu và yêu cầu của nội dung. Khi lựa chọn các loại biểu đồ thích hợp, cần hiểu rõ những ưu điểm, hạn chế cũng như khả năng biểu diễn của từng loại biểu đồ. Cần tránh mang định kiến về các loại biểu đồ, học sinh dễ nhầm lẫn khi số liệu cho là (%) không nhất thiết phải vẽ biểu đồ hình tròn. Ví dụ, bảng số liệu cho tỉ suất sinh, tỉ suất tử qua năm (đơn vị tính %). Yêu cầu vẽ biểu đồ thể hiện rõ nhất tỉ suất sinh, tỉ suất tử và gia tăng dân số tự nhiên; trường hợp này không thể vẽ biểu đồ hình tròn được, mà chuyển sang vẽ biểu đồ miền chồng từ gốc tọa độ. Việc lựa chọn, vẽ biểu đồ phụ thuộc vào đặc điểm của chuỗi số liệu. Ví dụ, trong tổng thể có các thành phần chiếm tỉ trọng quá nhỏ (hoặc quá nhiều thành phần) như cơ cấu giá trị sản lượng của 19 nhóm ngành CN nước ta thì rất khó vẽ biểu đồ hình tròn; Hoặc yêu cầu thể hiện sự thay đổi cơ cấu GDP của nước ta trải qua ít nhất là 4 năm (thời điểm) thì việc vẽ biểu đồ hình tròn chưa hẳn là giải pháp tốt nhất.

3.3.4 - Nhận xét và phân tích biểu đồ.

● **Khi phân tích biểu đồ:** dựa vào số liệu trong bảng thống kê và biểu đồ đã vẽ. Nhận xét phải có số liệu để dẫn chứng, không nhận xét chung chung. Giải thích nguyên nhân học sinh phải dựa vào kiến thức của các bài đã học.

- Lưu ý khi nhận xét, phân tích biểu đồ:

- Đọc kỹ câu hỏi để nắm yêu cầu và phạm vi cần nhận xét, phân tích. Cần tìm ra mối liên hệ (hay tính qui luật nào đó) giữa các số liệu. Không được bỏ sót các dữ kiện cần phục vụ cho nhận xét, phân tích.
- Trước tiên cần nhận xét, phân tích các số liệu có tầm khái quát chung, sau đó phân tích các số liệu thành phần; Tìm mối quan hệ so sánh giữa các con số theo hàng ngang; Tìm mối quan hệ so sánh các con số theo hàng dọc; Tìm giá trị nhỏ nhất (thấp nhất), lớn nhất & trung bình (đặc biệt chú ý đến những số liệu hoặc hình nét đường, cột...trên biểu đồ thể hiện sự đột biến tăng hay giảm).
- Cần có kỹ năng tính tỉ lệ (%), hoặc tính ra số lần tăng (hay giảm) để chứng minh cụ thể ý kiến nhận xét, phân tích.

- Phân nhận xét, phân tích biểu đồ, thường có 2 nhóm ý:
 - Những ý nhận xét về diễn biến và mối quan hệ giữa các số liệu: dựa vào biểu đồ đã vẽ & bảng số liệu đã cho để nhận xét.
 - Giải thích nguyên nhân của các diễn biến (hoặc mối quan hệ) đó: dựa vào những kiến thức đã học để giải thích nguyên nhân.

● **Sử dụng ngôn ngữ trong lời nhận xét, phân tích biểu đồ.**

- Trong các loại biểu đồ cơ cấu: số liệu đã được qui thành các tỉ lệ (%). Khi nhận xét phải dùng từ “tỷ trọng” trong cơ cấu để so sánh nhận xét. Ví dụ, nhận xét biểu đồ cơ cấu giá trị các ngành kinh tế ta qua một số năm. Không được ghi: “Giá trị của ngành nông - lâm – ngư nghiệp có xu hướng tăng hay giảm”. Mà phải ghi: “Tỉ trọng giá trị của ngành nông - lâm – ngư nghiệp có xu hướng tăng hay giảm”.

- Khi nhận xét về trạng thái phát triển của các đối tượng trên biểu đồ. Cần sử dụng những từ ngữ phù hợp. Ví dụ:

- Về trạng thái tăng: Ta dùng những từ nhận xét theo từng cấp độ như: “Tăng”; “Tăng mạnh”; “Tăng nhanh”; “Tăng đột biến”; “Tăng liên tục”,... Kèm theo với các từ đó, bao giờ cũng phải có số liệu dẫn chứng cụ thể tăng bao nhiêu (triệu tấn, tỉ đồng, triệu người; Hay tăng bao nhiêu (%), bao nhiêu lần?).v.v.

- Về trạng thái giảm: Cần dùng những từ sau: “Giảm”; “Giảm ít”; “Giảm mạnh”; “Giảm nhanh”; “Giảm chậm”; “Giảm đột biến” Kèm theo cũng là những con số dẫn chứng cụ thể. (triệu tấn; tỉ đồng, triệu dân; Hay giảm bao nhiêu (%); Giảm bao nhiêu lần?).v.v.

- Về nhận xét tổng quát: Cần dùng các từ diễn đạt sự phát triển như:”Phát triển nhanh”; “Phát triển chậm”; ”Phát triển ổn định”; “Phát triển không ổn định”; ”Phát triển đều”; “Có sự chênh lệch giữa các vùng”.v.v.

- Những từ ngữ thể hiện phải: Ngắn, gọn, rõ ràng, có cấp độ; Lập luận phải hợp lý sát với yêu cầu...

3.3.5 – Một số câu hỏi và bài tập thực hành củng cố kiến thức Địa lí dân cư, kinh tế Việt Nam.

Câu 1: Cho bảng số liệu: Diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây (Đơn vị: nghìn ha)

Các nhóm cây	Năm 1990	Năm 2002
Tổng số	9040,0	12.831,4
Cây lương thực	6474,6	8320,6
Cây công nghiệp	1199,3	2337,3
Cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác	1366,1	2173,8

Hãy:

- Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện qui mô và cơ cấu diện tích ngành trồng trọt phân theo nhóm cây ở nước ta qua hai năm trên.
- Qua bảng số liệu và biểu đồ, rút ra nhận xét về sự thay đổi quy mô, tỉ trọng diện tích gieo trồng của các nhóm cây ở nước ta.

Câu 2: Cho bảng số liệu: Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi ở nước ta (tính bằng tỷ đồng)

Năm	Tổng số	Gia súc	Gia cầm	Sản phẩm không qua giết thịt (trứng, sữa...)
2000	18.505	12.213,3	3.330,9	2.960,8
2007	29.196	21.021,1	3.795,5	4.379,4

- Hãy tính cơ cấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi ở nước ta qua các năm 2000, 2007.
- vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị sản xuất ngành chăn nuôi qua các năm 2000, 2007.
- Hãy nhận xét giá trị sản xuất ngành chăn nuôi ở nước ta theo dàn ý sau:
 - So sánh tốc độ tăng trưởng, giá trị sản xuất ngành chăn nuôi ở nước ta trong thời kì 2000 – 2007.
 - Ngành chăn nuôi nào là quan trọng nhất trong cơ cấu chăn nuôi? Tại sao?
 - Rút ra những nhận định chung về tình hình phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta.

Câu 3: Cho bảng số liệu sau:

Giá trị sản xuất công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ (đơn vị: tỷ đồng).

Tiểu vùng	1995	2000	2002
Tây Bắc	320,5	541,1	696,2
Đông Bắc	6179,2	10657,7	14301,3

a) Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện tốc độ gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp của hai tiểu vùng Tây Bắc và Đông Bắc trong thời kì 1995– 2002.

b) Từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ, nêu nhận xét về giá trị sản xuất công nghiệp ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trong thời kì 1995 – 2002 và giải thích.

Câu 4: Cho bảng số liệu sau:

GDP phân theo ngành kinh tế của Hà Nội năm 2007 – 2008 (đơn vị: tỷ đồng)

Năm	Tổng số	Chia ra		
		Nông-Lâm-ngư	Công nghiệp-Xây dựng	Dịch vụ
2007	129150	7271,1	53300,2	68578,7
2008	153700	8607,2	63478,1	81614,7

a) Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của Hà Nội trong 2 năm 2007 – 2008.

b) Nhận xét cơ cấu các ngành kinh tế ở Hà Nội trong 2 năm trên.

Câu 5: Cho bảng số liệu sau đây:

Dân số thành thị và nông thôn ở TP Hồ Chí Minh qua các năm (đơn vị: nghìn người).

Vùng	1995	2000	2002
Nông thôn	1.174,3	845,4	855,8
Thành thị	3.466,1	4.380,7	4.623,2

Từ bảng số liệu trên, em hãy:

a) Nêu các dạng biểu đồ có thể vẽ được (Chỉ nêu các dạng và cách vẽ, không cần vẽ cụ thể) để thể hiện sự thay đổi cơ cấu dân số thành thị và nông thôn ở TP Hồ Chí Minh theo số liệu đã cho.

b) Lựa chọn một dạng biểu đồ thích hợp nhất và giải thích tại sao có sự lựa chọn này.

c) Vẽ biểu đồ đã lựa chọn và nhận xét.

Câu 6: Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên có thuận lợi và khó khăn gì đến sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đông Nam Bộ?

Câu 7: Hãy trình bày đặc điểm chính về dân cư và xã hội của vùng kinh tế Bắc Bộ . Những đặc điểm đó có thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế- xã hội của vùng. Em hãy nêu những biện pháp khắc phục khó khăn trên.

Câu 8: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy viết báo cáo ngắn gọn đánh giá sự ảnh hưởng điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, dân cư và xã hội đến sự phát triển kinh tế của vùng Đồng bằng sông Hồng.

Câu 9: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy phân tích những thuận lợi và khó khăn của vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long đối với sự phát triển kinh tế của vùng.

Câu 10: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy cho biết:

a) Trình bày và giải thích sự phân bố dân cư ở vùng kinh tế Bắc Trung Bộ.

b) So sánh chuyên môn hóa sản xuất nông nghiệp giữa vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long giữa Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên. Tại sao có sự khác nhau?

3.4 Địa lí địa phương (Địa lí Hà Nội)

Hà Nội nằm trong vùng đồng bằng sông Hồng, Hà Nội thuộc Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, giáo viên hướng dẫn cho học sinh hiểu được Hà Nội sẽ mang đầy đủ

những đặc điểm tự nhiên của Miền Bắc và Đông bắc Bắc Bộ, những tiềm năng nổi bật về tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng đồng bằng sông Hồng. Chính vì vậy các em ôn lại kiến thức về địa lí Hà Nội rất dễ dàng.

Song song với việc ôn tập, bồi dưỡng kiến thức và kĩ năng, giáo viên tự soạn, sưu tầm các câu hỏi, bài tập phù hợp với từng mảng kiến thức, giao cho học sinh làm hằng tuần. Động viên học sinh tranh thủ thời gian sau những giờ học bài ở nhà, hoàn thành bài tập giáo viên giao. Giáo viên thu bài, chữa bài cho học sinh, giúp các em chuẩn lại những kiến thức chưa chính xác, bổ sung những kiến thức, kĩ năng còn thiếu. Sự quan tâm và góp ý nhiệt tình của giáo viên sẽ giúp cho các em cảm thấy tự tin, chăm chỉ học, say mê làm bài nhiều hơn.

Những đề thi Học sinh giỏi môn Địa lí cấp quận, Thành phố, đề thi vào các trường chuyên của các năm học trước thường được tôi lựa chọn và cho học sinh làm. Các em được làm quen với cách ra đề, các dạng câu hỏi và bài thực hành, so sánh với lượng kiến thức mình đã được ôn tập và bồi dưỡng, học sinh sẽ cảm thấy yên tâm hơn, rèn luyện tâm lí khi làm bài và khi tham gia kì thi chọn học sinh giỏi bài làm sẽ đạt kết quả cao hơn.

C. KẾT LUẬN

1 - Kết quả

Qua nhiều năm tham gia bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi, đúc rút kinh nghiệm, tìm tòi mạnh dạn đổi mới hình thức tổ chức, xây dựng đội tuyển học sinh giỏi, cũng như phương pháp và nội dung ôn tập bồi dưỡng của thầy, cách học bài và làm bài của học sinh tôi nhận thấy:

- Học sinh say mê, yêu thích môn Địa Lí nhiều hơn. Lớp học sôi nổi, hào hứng bởi có những hạt nhân là những em học sinh giỏi – yêu thích môn Địa lí. Các em đã chuyển được hứng thú cho những học sinh trung bình, yếu, học sinh chưa quan tâm đến môn Địa lí nhiều thì giờ đây có ý thức hơn, tự tin hơn.

- Học sinh được bồi dưỡng đầy đủ cả kiến thức và kỹ năng, sự tự tin, hiểu bài, nắm kiến thức dễ dàng, khắc sâu và sẵn sàng tham gia các kì thi học sinh Giỏi các cấp.

- Tham gia các kì thi Học sinh giỏi, chất lượng bài làm của học sinh ngày càng tốt hơn và có nhiều học sinh đạt giải cấp Thành phố, thi đỗ vào các trường chuyên.

Kết quả học sinh giỏi đạt giải cấp Quận, cấp Thành phố môn Địa lí tăng dần qua các năm.

2 - Bài học kinh nghiệm

Theo tôi, để xây dựng và bồi dưỡng được một đội tuyển học sinh giỏi môn Địa lí có chất lượng, ôn tập và bồi dưỡng kiến thức cho học sinh đội tuyển học sinh giỏi có hiệu quả, giúp cho các em học tốt tham gia thi Học sinh giỏi đạt kết quả tốt nhất chúng ta cần lưu ý một số điểm sau:

**** Đối với giáo viên***

- Giáo viên giảng dạy môn địa lí ở các lớp dưới phải quan tâm, bồi dưỡng, phát hiện những học sinh có năng lực, xây dựng niềm đam mê, yêu thích môn học cho các em.

- Muốn có một đội tuyển học sinh giỏi môn Địa lí lớp 9 có chất lượng, giáo viên cần phải xây dựng tạo nguồn cho đội tuyển học sinh giỏi môn Địa lí từ lớp 6.

- Xây dựng kế hoạch, thống nhất nội dung chương trình, triển khai bồi dưỡng cho đội tuyển học sinh giỏi ngay từ đầu năm học..

- Căn cứ vào yêu cầu nội dung thi học sinh giỏi, vào thời gian học của học sinh để lựa chọn các hình thức tổ chức và phương pháp dạy học phù hợp. Nhiệt tình, quan tâm thường xuyên động viên học sinh hun đúc thêm tình yêu với môn Địa lí.

- Bồi dưỡng, ôn tập cho học sinh đội tuyển không chỉ là kiến thức mà cả kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng khai thác kiến thức từ Atlas Địa lí Việt Nam và kỹ năng thực hành vẽ, nhận xét, phân tích biểu đồ, bảng số liệu. Giáo viên cần soạn, sưu tầm các câu hỏi, bài tập, đề thi học sinh giỏi cho các em làm bài thường xuyên.

- Dự giờ chuyên đề, dự giờ các đồng nghiệp để tích lũy kiến thức và nâng cao hơn nữa trình độ nghiệp vụ chuyên môn.

- Tự học, đúc rút kinh nghiệm, tìm tòi cách bồi dưỡng sao cho có hiệu quả.

*** Đối với học sinh:**

- Trong các giờ học, học sinh chú ý nghe giảng và hướng dẫn của các thầy cô giáo.

- Nhiệt tình, tích cực, chủ động ôn tập, sắp xếp thời gian biểu hợp lí để hoàn thành bài tập của đội tuyển mà giáo viên giao.

- Tự rèn cho mình kĩ năng làm việc cẩn thận, có đủ các đồ dùng và dụng cụ học tập.

3/ Một số kiến nghị

Học sinh tham gia học bồi dưỡng đội tuyển Học sinh giỏi nhưng vẫn phải đảm bảo học tập các môn học khác, không đủ thời gian để làm bài của đội tuyển. Học được môn này thì học ít môn kia, để chuẩn bị cho kiểm tra các môn học ngày hôm sau các em không dám đến học bồi dưỡng môn Địa lí.

Học sinh trong đội tuyển nhiều khi học trong các lớp khác nhau, để tập trung được học sinh, bố trí lịch học vô cùng khó cho giáo viên bồi dưỡng, nhiều khi phải dạy ngoài giờ kể cả dạy vào chủ nhật. Kinh phí cho công tác bồi dưỡng học sinh giỏi thì rất hạn chế, chủ yếu là lòng nhiệt tình và say mê yêu nghề của giáo viên.

Đề động viên giáo viên tham gia bồi dưỡng đội tuyển Học sinh giỏi, học sinh thi Học sinh giỏi Thành phố môn Địa lí tôi xin đề xuất với Sở giáo dục như sau:

+ Nếu các em học sinh thi Học sinh giỏi Thành phố đạt giải ba được cộng 1 điểm thì cũng nên cộng cho các em đạt giải khuyến khích 0,5 điểm.

+ Giáo viên bồi dưỡng được nhiều học sinh giỏi đạt giải cấp Thành phố đề nghị lập hồ sơ khen thưởng, động viên.

Trên đây là một vài suy nghĩ và kinh nghiệm nhỏ mà tôi đã tiếp thu, tích lũy và đúc rút kinh nghiệm sau nhiều năm trực tiếp giảng dạy và tham gia bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi môn địa lí lớp 9. Mong rằng tôi sẽ nhận được sự góp ý chân thành của ban chỉ đạo chuyên môn Sở giáo dục và đào tạo Hà Nội, Phòng giáo dục và đào tạo quận Đống Đa, các đồng nghiệp để môn Địa lí ngày càng có nhiều học sinh yêu thích và học giỏi, góp phần dạy – học môn Địa lí đạt kết quả cao hơn nữa.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sách giáo viên môn địa lí lớp 6, 7, 8, 9 .
(Nhà xuất bản Giáo Dục)
2. Hướng dẫn sử dụng AtLat Địa lí Việt Nam .
(Nhà giáo Trần Trọng Hà)
3. Tuyển chọn những bài ôn luyện thực hành kĩ năng môn địa lí.
(Nhà xuất bản Giáo Dục)
4. Ôn luyện kiến thức cho học sinh giỏi lớp 9 và chuẩn bị vào lớp 10 chuyên môn Địa Lí.
(Nhà xuất bản Giáo Dục)
5. Bộ đề kiểm tra và đáp án chấm học sinh giỏi bộ môn Địa Lí cấp Quận, cấp Thành phố qua các năm.

XÁC NHẬN CỦA HIỆU TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2015

Tôi xin cam đoan đây là sáng kiến kinh nghiệm do mình viết, không sao chép nội dung của người khác.